

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 189 /2018/HS-ST

Ngày: 24-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Huỳnh Trọng Cần.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh và bà Nguyễn Thị Hậu.

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Cẩm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 159/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 212/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Đỗ Văn T; Tên gọi khác: T1, sinh ngày 02/02/1992, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Tổ 16, khu vực 5, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Phụ xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn N, sinh năm 1961 và bà Trương Thị T, sinh năm 1963; gia đình có 04 anh, chị em ruột, bị cáo là con út trong gia đình; có vợ là Đặng Thị L, sinh năm 1993; có 01 con tên là Đỗ Minh K, sinh năm 2018.

* Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ tại thành phố Huế, học đến lớp 9/12 thì nghỉ học, ở nhà, làm nghề phụ xe cho đến ngày gây án.

Tiền án: không; tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/7/2018 cho đến nay, bị cáo có mặt.

Bị hại:

1. Công ty cổ phần Cấp nước T.

Địa chỉ: 103 đường B, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Công N - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Ngự B, chức vụ: Trưởng phòng hành chính (Theo Giấy ủy quyền ngày 02/8/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước T);

Nơi cư trú: 25B đường L, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Anh Trần Quốc T, sinh năm 1990; nơi cư trú: 49 đường P, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1985; nơi cư trú: 50/21 đường P, phường K, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Ông Đỗ Văn N, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ 16, khu vực 5, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Người làm chứng:

1. Anh Ngô Văn L, sinh năm 1985; nơi cư trú: Tổ 16, khu vực 5, phường T, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ 3, khu vực 1, phường H, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

3. Anh Nguyễn C, sinh năm 1995; nơi cư trú: 13/2/45 đường N, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong các ngày 13/5 và 21/6/2018, tại địa bàn thành phố Huế, Đỗ Văn T đã lợi dụng sơ hở, lén lút thực hiện hai vụ trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 13/5/2018, Đỗ Văn T điều khiển xe mô tô hiệu Dream II, biển số 75F4-3193 đến Nhà máy nước Q - thuộc Công ty Cổ phần Cấp nước T (ở đường T, phường T, thành phố Huế). Khi đến nơi, T dựng xe bên ngoài tường rào phía bên trái của Nhà máy (cách cổng khoảng 20m), quan sát bên trong, thì phát hiện có một co sắt (Van xả khí) đang để ở bãi để vật liệu của Nhà máy. T trèo tường rào, đột nhập vào bên trong, lén lút dùng hai tay bưng Van xả khí đến cạnh tường rào, nhằm đưa ra khỏi khuôn viên Nhà máy nước để mang đi tiêu thụ. Ngay lúc này, lực lượng bảo vệ của Nhà máy nước phát hiện, bắt quả tang và báo cho Công an phường T, thành phố Huế.

* Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) Van xả khí D100, màu xanh (đã qua sử dụng);
- 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Dream II, màu nho, biển số 75F4-3193.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 258/KL-HĐĐG ngày 15/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế xác định: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, một Van xả khí D100, màu xanh (đã qua sử dụng) có trị giá 2.496.000 đồng (Hai triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

* Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại một Van xả khí D100, màu xanh (đã qua sử dụng) cho ông Trương Ngự B, là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Cấp nước T. Sau khi nhận lại tài sản, ông B không có yêu cầu gì thêm.

Quá trình điều tra xác định: Chiếc xe mô tô hiệu Dream II, biển số 75F4-3193 là của ông Đỗ Văn N (sinh năm 1961; trú tại tổ 16, khu vực 5, phường Thủy Xuân, thành phố Huế - là bố của Đỗ Văn T). Việc T sử dụng chiếc xe mô tô này đi trộm cắp tài sản, ông N không biết. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô 75F4-3193 cho ông N. Sau khi nhận lại tài sản, ông N không có yêu cầu gì thêm.

Vụ thứ hai: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 21/6/2018, Đỗ Văn T đi bộ qua công trình xây dựng nhà của anh Đỗ Vĩnh T (cạnh nhà T) để chơi thì thấy có một cái quần dài của anh Trần Quốc T (sinh năm 1990; trú tại tổ 1, khu vực 1, phường P, thành phố Huế - là thợ xây nhà cho anh T) đang treo ở hàng rào. Lợi dụng lúc mọi người đang làm việc, thiếu cảnh giác, T đến vị trí anh Trần Quốc T đang treo cái quần, lén lút thò tay vào túi quần lấy trộm một chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Prime màu trắng. Sau đó, T đưa điện thoại vừa chiếm đoạt được đến cửa hàng mua - bán điện thoại tại số 41 đường Đ, phường P, thành phố Huế để liên hệ bán. Tại đây, T vào gặp anh Lê Văn Đ (sinh năm 1985; trú tại: 50/21 P, phường K, thành phố Huế) và nói đây là điện thoại của mình, vì kẹt tiền nên cần bán để mua lại máy rẻ tiền hơn. Anh Đ nghe vậy tin tưởng, đồng ý mua chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Prime màu trắng với giá 1.200.000 đồng.

Ngày 22/6/2018, anh Đ đã bán chiếc điện thoại mua lại từ Tiến cho một người khách không rõ nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 298/KL-HĐĐG ngày 04/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế (định giá qua hồ sơ) xác định: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Prime, màu trắng (đã qua sử dụng) có trị giá 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

* Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Anh T yêu cầu T phải bồi thường cho mình 2.500.000 đồng, hiện T chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 184/CT-VKS ngày 10/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Đỗ Văn T (tên gọi khác: T1) về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T (tên gọi khác: T1) phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt Đỗ Văn T (tên gọi khác: T1) tù 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giam 10/7/2018.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại một Van xả khí D100, màu xanh (đã qua sử dụng) cho Công ty Cổ phần Cấp nước T, ông Trương Ngự B là người đại diện theo ủy quyền của Công ty đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, buộc bị cáo Đỗ Văn T (tên gọi khác: T1) phải bồi thường cho bị hại anh Trần Quốc T số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Đỗ Văn T (tên gọi khác: T1) phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay Đỗ Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ khác được thu thập tại hồ sơ vụ án, quá trình xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa đã làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo; do đó Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận: Vào các ngày 13/5 và 21/6/2018, tại địa bàn phường T, thành phố Huế; Đỗ Văn T đã lợi dụng sơ hở, lén lút chiếm đoạt của Công ty Cổ phần Cấp nước T một Van xả khí đã qua sử dụng có trị giá 2.496.000 đồng (Hai triệu bốn chín mươi sáu nghìn đồng); chiếm đoạt của anh Trần Quốc T một chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy J7 Prime có trị giá 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Tổng trị giá tài sản mà Tiến chiếm đoạt trong vụ án này là 4.996.000 đồng (Bốn triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Với các hành vi nêu trên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế đã truy tố Đỗ Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo thấy rằng: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham nên bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần xét xử thích đáng để giáo dục bị cáo đồng thời răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Đỗ Văn T đã phạm vào tình tiết tăng nặng là “Phạm tội hai lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, bởi vì mỗi lần bị cáo phạm tội đều cấu thành một tội phạm độc lập.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo Đỗ Văn T thỏa thuận bồi thường cho bị hại anh Trần Quốc T số tiền 2.500.000 đồng. Xét việc thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại là hoàn toàn tự nguyện đúng pháp luật, nên cần chấp nhận.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, một Van xả khí D100, màu xanh (đã qua sử dụng) cho Công ty Cổ phần Cấp nước T, ông Trương Ngự B là người đại diện theo ủy quyền của Công ty đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Đỗ Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

1. Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T (tên gọi khác: T1) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Tuyên xử: Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Tiến (tên gọi khác: Tem) 09 (chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giam 10/7/2018.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại. Buộc bị

cáo Đỗ Văn T (tên gọi khác: T1) phải bồi thường cho bị hại anh Trần Quốc T số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a, d khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Đỗ Văn T (tên gọi khác: T1) phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh TT Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Công an thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người CQLNVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dân án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Trọng Cẩn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh TT Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Công an thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người CQLNVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dân án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Trọng Cẩn

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND Phú Vang;
- CAND Phú Vang;
- UBND thị trấn Thuận An;
- TAND tỉnh; án có
- Sở tư pháp hiệu lực
- Chi cục THA;
- Hồ sơ vụ án;
- Hồ sơ THA;
- Dán án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Trọng Cẩn